ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2021/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về đào tạo, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 807/TTr-SGTVT ngày 02 tháng 4 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2021; thay thế Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tổ chức đào tạo, sát hạch lái xe mô tô hai bánh hạng A1 cho người đồng bào dân tộc có trình độ văn hóa quá thấp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ GTVT (báo cáo);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Sở: GTVT, Tư pháp;
- Đài PTTH, Báo Quảng Nam;
- CPVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, TH, KTN(02) H_{46}.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Trí Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về đào tạo, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về đào tạo, sát hạch để cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 đối với người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với cơ quan quản lý công tác đào tạo, sát hạch lái xe; cơ sở đào tạo lái xe; trung tâm sát hạch lái xe và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác đào tạo, sát hạch lái xe mô tô hai bánh hạng A1 cho người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Quy định này không áp dụng đối với công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 của ngành Công an, Quân đội làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Chương II
ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE

Điều 3. Quy định về đào tạo

1. Điều kiện của cơ sở đào tạo

a) Các cơ sở đào tạo lái xe được Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam cấp giấy phép đào tạo hoặc phê duyệt phương án hoạt động đào tạo lái xe mô tô hai bánh hạng A1.

b) Có đủ giáo trình giảng dạy, tài liệu ôn tập để đào tạo lái xe mô tô hai bánh hạng A1 theo quy định.

c) Các lớp đào tạo lái xe mô tô hai bánh hạng A1 được phép tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Địa điểm tổ chức lớp học có thể chọn như: Hội trường, phòng học của các trường phổ thông trên địa bàn, nhà văn hóa,… phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Cơ sở đào tạo lái xe có thể bố trí 01 phòng học chung pháp luật giao thông đường bộ và kỹ thuật lái xe, bảo đảm diện tích tối thiểu 50m^2, không quá 35 học viên/01 lớp, trường hợp số lượng học viên đăng ký lớn phải chia thành nhiều lớp.

Phòng học pháp luật giao thông đường bộ: Có thiết bị nghe nhìn (màn hình, máy chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình.

Phòng học kỹ thuật lái xe: Có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản.

d) Sân tập lái phải bảo đảm diện tích để bố trí đủ tình huống các bài học theo nội dung chương trình đào tạo; kích thước các hình tập lái xe phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ; bề mặt các làn đường và hình tập lái được thảm nhựa hoặc bê tông xi măng, có đủ vạch sơn kẻ đường và bảo đảm theo đúng quy định.

2. Điều kiện đối với người học lái xe

a) Là công dân Việt Nam thuộc đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Quảng Nam, có nhu cầu học, sát hạch lấy giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1, được UBND cấp xã, phường, thị trấn nơi cư trú, xác nhận là người đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; giấy xác nhận có giá trị 01 năm kể từ ngày ký xác nhận; cá nhân điểm chỉ vào giấy xác nhận.

b) Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), đảm bảo sức khỏe điều khiển mô tô hai bánh hạng A1 theo quy định.

3. Hình thức đào tạo lái xe

Người có nhu cầu cấp giấy phép lái xe mô tô hai bánh hạng A1 được tự học các môn lý thuyết, nhưng phải đăng ký tại các cơ sở được phép đào tạo để được ôn luyện.

4. Hồ sơ của người học lái xe

Người học lái xe lần đầu lập 01 bộ hồ sơ, nộp trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 27/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

Điều 4. Chương trình đào tạo và học phí đào tạo lái xe

1. Thời gian, chương trình, phương pháp đào tạo

a) Thời gian đào tạo lái xe mô tô hai bánh hạng A1: 12 giờ (lý thuyết 10 giờ, thực hành lái xe 2 giờ).

b) Chương trình đào tạo và bảng phân bổ thời gian đào tạo

TT	Chỉ tiêu tính toán các môn học	Đơn vị tính	Thời gian đào tạo
1	Pháp luật giao thông đường bộ	giờ	8
2	Kỹ thuật lái xe	giờ	2
3	Thực hành lái xe - Số giờ thực hành lái xe/học viên	giờ	2
4	Số giờ/học viên/khóa đào tạo	giờ	12
5	Tổng số giờ một khóa đào tạo	giờ	12
Thời gian đào tạo			
1	Số ngày thực học	ngày	2
2	Cộng số ngày/khóa đào tạo	ngày	2

c) Nội dung và phân bổ chi tiết các môn học

TT	Nội dung	Thời gian đào tạo	
		Lý thuyết: 7 giờ	Thực hành: 5 giờ
1	**Pháp luật giao thông đường bộ**	**6**	**2**
	- Những kiến thức cơ bản về pháp luật giao thông đường bộ	4	1
	- Ý thức chấp hành pháp luật giao thông đường bộ và xử lý tình huống giao thông	1	-
	- Thực hành cấp cứu tai nạn giao thông	1	1
2	**Kỹ thuật lái xe**	**1**	**1**
	- Vị trí, tác dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô	0,5	1
	- Kỹ thuật lái xe cơ bản	0,5	-
3	**Thực hành lái xe**	**-**	**2**
	- Tập lái xe trong hình	-	1,5
	- Tập lái xe trong sân tập	-	0,5

d) Phương pháp: Đào tạo tập trung, giảng dạy chủ yếu bằng hình ảnh trực quan, hỏi đáp là chính.

2. Học phí đào tạo lái xe

a) Cơ sở đào tạo lái xe xây dựng mức thu học phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ và niêm yết công khai tại cơ sở đào tạo.

b) Các cơ sở đào tạo không được thu thêm học phí hoặc các khoản phí, lệ phí khác ngoài quy định; không được bán các loại tài liệu, hồ sơ cho học viên quá mức giá quy định.

Điều 5. Sát hạch lái xe

1. Hồ sơ dự sát hạch lái xe

Cơ sở đào tạo lái xe lập 01 bộ hồ sơ, gửi trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm:

a) Hồ sơ quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Quyết định này;

b) Danh sách đề nghị sát hạch theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 19 của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

2. Nội dung và quy trình sát hạch lái xe

a) Việc sát hạch để cấp giấy phép mô tô hai bánh hạng A1 được thực hiện tại các sân sát hạch có đủ các hạng mục công trình cơ bản, phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch và xe cơ giới dùng để sát hạch theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch cơ giới đường bộ.

b) Sát hạch lý thuyết: Thực hiện sát hạch bằng phương pháp hỏi đáp trực tiếp.

Đề sát hạch gồm các câu hỏi liên quan đến quy định của pháp luật giao thông đường bộ, kỹ thuật lái xe. Bộ đề, đáp án sát hạch lý thuyết do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam ban hành.

Đề sát hạch lý thuyết gồm 12 câu hỏi, trong đó: Có 05 câu hỏi về khái niệm và quy tắc giao thông đường bộ (01 câu về khái niệm, 01 câu về tình huống mất an toàn giao thông nghiêm trọng, 02 câu về quy tắc giao thông, 01 câu về tốc độ); 01 câu hỏi về văn hóa và đạo đức người lái xe; 03 câu hỏi về hệ thống biển báo đường bộ; 03 câu hỏi về giải các sa hình. Nếu thí sinh trả lời đúng câu hỏi về tình huống mất an toàn giao thông nghiêm trọng đồng thời có tổng số câu trả lời đạt từ 09 câu trở lên thì đạt yêu cầu phần sát hạch lý thuyết (Khi thí sinh trả lời sai câu hỏi về tình huống mất an toàn giao thông nghiêm trọng thì không đạt yêu cầu phần sát hạch lý thuyết).

c) Quy trình sát hạch lý thuyết thực hiện bằng phương pháp hỏi đáp như sau:

Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch.

Gọi tên thí sinh theo danh sách, kiểm tra nhận dạng, đối chiếu giấy chứng minh nhân dân; yêu cầu thí sinh điểm chỉ vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch,

Bố trí chỗ ngồi, hướng dẫn thí sinh chọn xác suất 01 đề sát hạch trong số bộ đề sát hạch được soạn sẵn, sát hạch viên đọc câu hỏi và đáp án trong đề sát hạch để thí sinh lựa chọn đáp án; kết quả trả lời được sát hạch viên đánh dấu nhân (x) vào bài thi theo ý trả lời của thí sinh. Kết quả bài sát hạch lý thuyết được sát hạch viên công bố cho thí sinh và ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

Thời gian sát hạch lý thuyết: 12 phút.

d) Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình

Phần sát hạch thực hành lái xe trong hình phải thực hiện đúng theo quy trình sát hạch lái xe hạng A1 do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành.

Thời gian thực hiện bài sát hạch: 10 phút.

Thang điểm: 100 điểm.

Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

đ) Xét công nhận kết quả:

Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình thì được công nhận trúng tuyển.

Thí sinh không được công nhận trúng tuyển được đăng ký sát hạch lại kể từ kỳ sát hạch tiếp theo, với cùng một cơ quan quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe.

Thí sinh không đạt nội dung sát hạch lý thuyết thì không được dự nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình.

Thí sinh đạt nội dung sát hạch lý thuyết nhưng không đạt nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình thì được bảo lưu kết quả sát hạch lý thuyết trong thời gian 01 năm kể từ ngày đạt kết quả sát hạch; nếu muốn dự sát hạch phải đáp ứng điều kiện về sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng theo quy định và phải có tên trong biên bản xác nhận vắng, trượt của Tổ sát hạch kỳ trước.

Thí sinh mang điện thoại hoặc thiết bị truyền tin trong phòng sát hạch lý thuyết hoặc có các hành vi gian dối khác làm sai lệch kết quả sát hạch sẽ bị đình chỉ làm bài, hủy bỏ kết quả sát hạch.

Điều 6. Mức thu lệ phí sát hạch

Thực hiện mức thu theo quy định tại Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí cấp đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) thông báo công khai về những quy định có liên quan đến việc đào tạo, sát hạch lái xe cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt; đồng thời, chỉ đạo Cơ quan quản lý sát hạch phối hợp với cơ sở đào tạo lập kế hoạch và phối hợp với UBND cấp huyện thông báo công khai về: lịch, địa điểm học và sát hạch, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân biết, tham gia học, sát hạch để được cấp giấy phép lái xe.

2. Soạn đề, đáp án sát hạch đúng chương trình, giáo trình đào tạo đã được biên soạn lại trên cơ sở bộ đề sát hạch của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Tổ chức kỳ sát hạch đúng thời gian, địa điểm và đảm bảo chất lượng theo quy định.

3. Chỉ đạo cơ sở đào tạo biên soạn chương trình, giáo trình giảng dạy; kiểm tra và phê duyệt chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo.

4. Chỉ đạo Tổ sát hạch phối hợp với Trung tâm sát hạch lái xe tổ chức kỳ sát hạch đúng theo quy định này và hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện để giải quyết kịp thời.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các Ban, ngành chức năng tuyên truyền đến người dân các quy định của pháp luật có liên quan đến việc đào tạo, sát hạch lái xe cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt.

2. Chỉ đạo các Phòng, Ban chức năng của địa phương phối hợp với Sở Giao thông vận tải, các cơ sở đào tạo lái xe mô tô trong tỉnh tổ chức tuyển sinh đúng đối tượng học và sát hạch lấy giấy phép lái xe mô tô cho đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt trên địa bàn theo quy định.

3. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc xác nhận đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt cho người có nhu cầu học và sát hạch lấy giấy phép lái xe mô tô hạng A1 theo Quy định này.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn

1. Căn cứ vào lịch học và lịch thi đã được thông báo, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thông báo đến từng tổ dân cư, thôn, bản để nhân dân biết tham dự học và sát hạch để được cấp giấy phép lái xe.

2. Kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác trong việc xác nhận đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt. Nghiêm cấm việc xác nhận không đúng đối tượng, khai man về trình độ học vấn để lợi dụng học và sát hạch theo Quy định này.

3. Không được thu bất cứ các loại lệ phí nào.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo

1. Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị giảng dạy theo quy định.

2. Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến để nhân dân hiểu, thực hiện đúng theo quy định này.

3. Tổ chức tuyển sinh đúng đối tượng; đào tạo đúng, đủ nội dung.

4. Tổ chức soạn thảo chương trình, giáo trình giảng dạy trên cơ sở Giáo trình đào tạo lái xe hạng hai bánh hạng A1 do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ban hành, trình Sở Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt.

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Nam, Báo Quảng Nam, Cổng thông tin điện tử tỉnh phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị phản ảnh về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.